TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2017/DS-ST
Ngày: 01-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Trí.

2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tưởng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 21/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2017, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thái Trạng Minh T, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: ấp PH B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Phan Thành Q, sinh năm 1986; (Có mặt tại phiên xét xử, vắng mặt tại phiên tuyên án)

2.2. Phan Văn M, sinh năm 1962; (Vắng mặt tại phiên xét xử, có mặt tại phiên tuyên án)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: ấp PH A, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Nguyễn Thái Trạng Minh T, trình bày: Vào ngày 28/02/2013, anh Phan Thành Q có đến nhà anh hỏi vay tiền về để ép cá tra bột với số tiền là 30.000.000 đồng (có làm biên nhận), lãi suất 06%/tháng, thỏa thuận bằng miệng không có làm giấy, anh Q có đóng tiền lãi được 02 tháng với số tiền là 3.600.000 đồng, đến nay không có trả tiền gốc và tiền lãi cho anh nữa. Khoảng tháng 3/2016, anh có làm đơn đến xã Phú Thuận A yêu cầu anh Q trả trả số tiền vay là 30.000.000 đồng với tiền lãi 06%/tháng theo thỏa thuận, qua sự động viên của ban hòa giải xã anh Q cùng với ông M là cha của anh Q đứng ra bảo lãnh đồng ý trả cho anh mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi xong nợ thì anh không tính lãi, nếu không thực hiên đúng lời hứa trong biên bản này thì anh có quyền khởi kiện đến Tòa yêu cầu trả vốn và lãi theo thỏa thuận trước kia. Nhưng anh Q và ông M không thực hiện đúng lời hứa. Nay anh yêu cầu ông M và anh Q trả số tiền vay gốc là 30.000.000 đồng và tiền lãi là tổng cộng là 64.800.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 94.800.000 đồng, anh không yêu cầu tính lãi tiếp.

Bị đơn anh Phan Văn Q trình bày: Anh thừa nhận có hỏi tiền của anh T 30.000.000 đồng. Anh không có tiền trả nên cha anh là ông M có ra tiền trả thay cho anh vào ngày 23/02/2014 trả được 12.000.000 đồng, ngày 27/4/2014 trả 12.000.000 đồng, ngày 29/6/2014 trả 6.000.000 đồng, tổng cộng trả 03 đợt là 30.000.000 đồng. Trong 03 đợt trả thì anh Nguyễn Văn H nhận tiền và ký nhận cho anh trả cho anh T vì anh T nhờ anh H qua lấy dùm. Nay anh không thống nhất trả cho anh T 30.000.0000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu vì anh đã trả đủ cho anh T rồi.

Bị đơn ông Phan Văn M trình bày: Ông thừa nhận con của ông anh Q có hỏi tiền của anh T 30.000.000 đồng. Anh Q không có tiền trả nên ông có ra tiền trả thay cho anh Q vào ngày 23/02/2014 trả được 12.000.000 đồng, ngày 27/4/2014 trả 12.000.000 đồng, ngày 29/6/2014 trả 6.000.000 đồng, tổng cộng trả 03 đợt là 30.000.000 đồng. Trong 03 đợt trả thì anh Nguyễn Văn H nhận tiền và ký nhận cho ông trả cho anh T vì anh T nhờ anh H qua lấy dùm. Nay ông không thống nhất trả cho anh T 30.000.0000 đồng theo yêu cầu vì ông đã trả đủ cho anh T rồi.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015. Về việc nội dung vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T buộc ông M và anh Q trả cho anh T nợ gốc là 30.000.000 đồng, còn tiền lãi thì đề nghị điều chỉnh lại theo quy định của Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là giao dịch dân sự được thực hiện xong trước ngày Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực nhưng có tranh chấp nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết, vì vậy tranh chấp hợp đồng vay tài sản trong vụ án này được quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thái Trạng Minh T yêu cầu bị đơn ông Phan Văn M và anh Phan Thành Q trả số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông M và anh Q thừa nhận là anh Q có vay của anh T số tiền nói trên. Theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 quy định "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh". Như vậy, việc ông M và anh Q đã vay của anh T 30.000.000 đồng là có thật. Nhưng ông M và anh Q lại cho rằng mình đã trả xong số nợ này cho anh T thông qua một người tên Nguyễn Văn H vào ngày 23/02/2014 trả được 12.000.000 đồng, ngày 27/4/2014 trả 12.000.000 đồng, ngày 29/6/2014 trả 6.000.000 đồng, nên không thống nhất trả số nợ trên, nhưng Tòa án đã yêu cầu ông M và anh Q cung cấp thông tin về anh Nguyễn Văn H để Tòa án mời làm việc thì ông M và anh Q không cung cấp theo yêu cầu, nên thông tin mà ông M và anh Q đưa ra là hoàn toàn không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác, ông M và anh Q cho rằng đã trả số tiền 30.000.000 đồng cho anh T xong vào năm 2014, nhưng tại Biên bản giải quyết tại Công an xã Phú Thuận A thì ông M và anh Q vẫn thừa nhận còn nợ lại anh T 30.000.000 đồng và hứa trả 2.000.000 đồng/tháng, chính ông M và anh Q cũng thừa nhận có ký tên vào biên bản giải quyết. Vì vậy có thể nhận thấy rằng, ông M và anh Q vẫn chưa thanh toán cho anh T số tiền vay gốc 30.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi, khi vay anh T và anh Q thỏa thuận lãi suất 06%/tháng, tuy nhiên, các bên thỏa thuận lãi suất là chưa phù hợp quy định về lãi suất tại khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 như sau "Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công

bố đối với loại cho vay tương ứng", thời điểm hai bên giao kết hợp đồng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước công bố tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010, lãi suất cơ bản là 09%/năm. Căn cứ quy định trên, các bên được thỏa thuận lãi suất cao nhất là 13,5%/năm tương đương 1,125%/tháng, đồng thời mức lãi suất nợ quá hạn bằng mức lãi suất này. Hội đồng xét xử lấy mức lãi suất 1,125%/tháng làm căn cứ để tính lại phần tiền lãi cho phù hợp. Nhưng do anh T chỉ yêu cầu lãi từ ngày 28/5/2013 đến ngày 28/4/2016, vì vậy Hội đồng xét xử chỉ điều chỉnh mức lãi trong thời gian này. Khoản nợ vay 30.000.000 đồng tính lãi từ ngày từ ngày 28/5/2013 đến ngày 28/4/2016 tiền lãi là 30.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 36 tháng = 12.125.000 đồng. Như vậy, chỉ chấp nhận một phần yêu cầu đối với số tiền lãi buộc ông M và anh Q phải trả lại cho anh T là 12.125.000 đồng.

[4] Qua ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh T là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông M và anh Q trả lại cho anh T số tiền gốc là 30.000.000 đồng và lãi là 12.125.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: "Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận."; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, ông M và anh Q chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 42.125.000 đồng x 5% là 2.106.000 đồng; Anh T phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận là 52.675.000 x 5% là 2.633.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 91, 92, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; các Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thái Trạng Minh T, buộc ông Phan Văn M và anh Phan Thành Q liên đới trả cho anh Nguyễn Thái Trạng Minh T số tiền nợ gốc là 30.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của anh T về việc buộc ông M và anh Q trả số tiền lãi, buộc ông M và anh Q trả số tiền lãi là 12.125.000 đồng.

2. Về án phí:

2.1. Ông Phan Văn M và anh Phan Thành Q liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.106.000 đồng.

2.2. Anh Nguyễn Thái Trạng Minh T chịu 2.633.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 2.370.000 đồng theo biên lai thu tiền số 00869 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, anh T còn phải nộp thêm 263.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Lương Bằng